

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Xuân Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Hải và ông Lê Như Nghi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh S** - sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: thôn M, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn H, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

\* *Bị đơn:* Anh **Võ Thanh V** - sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: thôn M, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn đề nghị xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 13/6/2008. Quá trình hôn nhân hạnh phúc nhưng từ năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh V không quan tâm, chăm sóc vợ con, chị đã dùng lời khuyên nhủ nhưng anh V không thay đổi. Chị và anh V không còn sống chung với nhau, không quan tâm nhau khoảng 06 năm. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh V được nữa, hôn nhân không đạt được. Yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chúng chị và anh V có 02 con chung tên Võ Sáng Vũ B – sinh ngày 02/5/2007 và Võ Sáng Bảo C – sinh ngày

14/3/2010. Cháu C đang sống cùng chị, cháu B đang ở cùng anh Vũ. Chị đồng ý nuôi dưỡng cháu C, anh V nuôi dưỡng cháu B. Các bên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Võ Sáng Vũ B có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng cha. Cháu Võ Sáng Bảo C có đơn nguyện vọng muốn sống cùng mẹ.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Võ Thanh V nhưng anh V không đến Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh S. Về hôn nhân: chị S được ly hôn với anh Vũ. Về con chung: giao cháu Võ Sáng Vũ B – sinh ngày 02/5/2007 cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giao cháu Võ Sáng Bảo C – sinh ngày 14/3/2010 cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh Vũ. Bị đơn có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị S và anh V xảy ra mâu thuẫn, chị S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 13/6/2008. Đây là

hôn nhân hợp pháp, chị S đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh V không còn sống chung với nhau thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy giữa chị S và anh V không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Về con chung: Các đương có 02 con chung tên Võ Sáng Vũ B – sinh ngày 02/5/2007 và Võ Sáng Bảo C – sinh ngày 14/3/2010. Cháu B có nguyện vọng muốn sống cùng cha. Cháu C có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các con chung, giao cháu B cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu C cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Phạm Thị Thanh S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

\* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Phạm Thị Thanh S được ly hôn với anh Võ Thanh V.

\* Về con chung: giao cháu Võ Sáng Vũ B – sinh ngày 02/5/2007 cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Võ Sáng Bảo C – sinh ngày 14/3/2010 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

\* Về án phí: chị Phạm Thị Thanh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký số 0003682, ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị S đã nộp đủ.

\* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. Tuy An (2);
- THADS h. Tuy An (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã D (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Xuân Hương**